

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha cho con theo quy định
của pháp luật về hôn nhân và gia đình

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
tham gia phiên họp: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 31/2024/TLST-VDS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “*Yêu cầu xác định cha cho con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐST-VHNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và Thông báo hoãn phiên họp số: 124/TB-TA ngày 22/01/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà **Hoàng Thị H**, sinh ngày 19/02/1984; nơi cư trú: **Thôn G, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 (chết năm 2019); nơi cư trú trước khi chết: **thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

2. Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm 1949; nơi cư trú: **Thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình**; đã có đơn xin vắng mặt.

3. Bà **Lưu Thị T**, sinh năm 1950; nơi cư trú: **Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình**; đã có đơn xin vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Bà **Lưu Thị L**, sinh năm 1963; nơi cư trú: **Khu phố A, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

2. Bà **Lưu Thị H1**, sinh năm 1965; nơi cư trú: **Số G đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**; có mặt.

3. Ông Lưu Văn T1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số A đường H, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

4. Ông Lưu Đức D1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số C đường L, phường A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1953; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

7. Ông Trần Đình M, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

8. Ông Trần Minh K, sinh năm 1957; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

9. Ông Phan Văn Q, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn E, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

10. Bà Phan Thị H2, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn F, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu xác định cha cho con đẻ ngày 16/12/2024, B tự khai và quá trình giải quyết bà Hoàng Thị H trình bày:

Mẹ bà là bà Phan Thị Đ, sinh năm 1944 cùng chồng là ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1944 sống với nhau và sinh được một người con trai tên là Hoàng Văn T2, sinh năm 1973. Sau khi sinh ông T2 được 08 tháng thì ông Đ1 chết. Năm 1984, mẹ bà quen biết và có tình cảm với bố bà là ông Lưu Đức D, sinh năm 1941 và sinh được một người con chung là bà. Vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên ông D và bà Đ không tổ chức lễ cưới theo phong tục, không được họ hàng, bà con công nhận nên khi khai sinh bà Đ đã lấy họ của ông Hoàng Văn Đ1 để khai sinh cho bà H. Sau này bà không hiểu lý do vì sao ông D và bà Đ không sống chung cùng nhau nữa nhưng khi có điều kiện ông D vẫn qua lại để thăm nom, chăm sóc mẹ con bà Đ. Mặc dù ông D không trực tiếp nuôi dưỡng bà H nhưng là người sinh ra bà, sự việc này được bà con họ hàng biết và thừa nhận. Năm 2019, ông D chết và lúc này bà H đã trưởng thành nên nhận biết được con người thì phải có gốc tích nguồn cội nên bà H mong muốn được đổi từ họ H3 sang họ Lưu của bố. Bà Phan Thị Đ cũng đồng ý, em gái ông D là bà Lưu Thị T và các anh chị em con cháu của ông D đều đồng ý nhận bà là con của ông Lưu Đức D và mong muốn bà đổi họ Hoàng thành họ L1. Về mối quan hệ huyết thống theo dòng cha. Ông bà nội của bà H sinh ra gồm có ông Lưu Đức D3, ông Lưu Văn T3, ông Lưu Đức D, bà Lưu Thị L2; anh, chị em ruột của ông D đã chết; chỉ có bà Lưu Thị T, là em gái của ông D còn sống. Do ông Lưu Đức D chết đã lâu nên anh, chị em trong gia đình không mong muốn lấy mẫu ADN của

ông **D** để so sánh. Vì vậy, bà **Hoàng Thị H** yêu cầu Toà án xác định ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 là cha đẻ của bà.

- *Tại Đơn trình bày về thân nhân và B tự khai của bà Phan Thị Đ (là mẹ đẻ của bà Hoàng Thị H), trình bày:* Năm 1972, bà **Đ** lập gia đình với ông **Hoàng Văn Đ1** (sinh năm 1944) và sinh được một người con trai là **Hoàng Văn T2** (sinh năm 1973). Sau khi sinh anh **T2** được 08 tháng thì ông **Đ1** chết. Năm 1982, bà **Đ** quen biết và nảy sinh quan hệ tình cảm với ông **Lưu Đức D** (sinh năm 1941) và sinh được một người con chung là **Hoàng Thị H**, sinh ngày 19/02/1984. Do bà con, họ hàng hai bên không chấp nhận và mâu thuẫn tình cảm nên ông **D** bỏ đi nơi khác sinh sống. Kể từ đó ông **D** và bà **Đ** sống cách biệt, không còn tình cảm với nhau nên khi đặt tên con bà **Đ** đã lấy họ và tên cha là ông **Hoàng Văn Đ1** để khai sinh cho con chung (của bà **Đ** và ông **D**) là **Hoàng Thị H**. Việc bà và ông **D** có quan hệ tình cảm và có con chung với nhau, họ hàng bà con hai bên đều biết nhưng không chấp nhận cho ông bà lấy nhau. Năm 2019, ông **Lưu Đức D** chết, bà **Đ** đã già yếu và có nguyện vọng con **Hoàng Thị H** được nhận ông **Lưu Đức D** là cha đẻ nên bà đề nghị Toà án công nhận ông **Lưu Đức D** là cha đẻ của bà **Hoàng Thị H**.

- *Tại Đơn trình bày sự việc và B tự khai của bà Lưu Thị T, trình bày:* Anh ruột của bà là ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 (đã chết năm 2019) từ năm 1972 đến năm 1975 có tình cảm với bà **Phan Thị Đ** và sinh được một người con chung tên là **Hoàng Thị H**, sinh ngày 19/02/1984. Năm 2002, khi bà **H** đã lớn thì ông **D** thông báo với họ hàng bà **Hoàng Thị H** là con riêng của ông **D** với bà **Đ** và được cả họ hàng thừa nhận. Từ đó cho đến nay bà **H** thường xuyên về nhà ông **D** để giúp đỡ mọi việc trong cuộc sống. Năm 2019, ông **D** chết thì bà **H** về chịu tang và có mặt vào các ngày giỗ của ông **D** sau này. Bà **H** có nguyện vọng xác định ông **Lưu Đức D** là bố đẻ nên bà **T** đề nghị Tòa án công nhận ông **Lưu Đức D** là cha đẻ của bà **Hoàng Thị H**.

- *Tại Đơn trình bày sự việc và Bản tự khai của bà Lưu Thị H1, bà Lưu Thị L, ông Lưu Văn T1 và ông Lưu Đức D1 (tất cả các ông, bà đều là con đẻ của ông Lưu Văn D4) đều thống nhất trình bày:* Chú ruột của ông, bà là ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 (đã chết năm 2019) có tình cảm và sống chung với bà **Phan Thị Đ** từ năm 1982 đến năm 1984 và có sinh được một người con chung tên là **Hoàng Thị H**, sinh ngày 19/02/1984. Các ông bà được bà con và ông **D** kể lại bà **Hoàng Thị H** là con ruột của ông **D** và ông **D** đã thông báo cho gia đình, dòng tộc, họ hàng ai cũng thừa nhận bà **Hoàng Thị H** là con gái của ông **Lưu Đức D**. Lúc ông **D** còn sống vào các ngày giỗ, ngày tết bà **H** đều có mặt; nhà ông **D** có công việc ruộng, vườn bà **H** đều tham gia làm. Năm 2019, ông **D** chết thì bà **H** về chịu tang với tư cách con gái ruột và từ đó cho đến nay ngày giỗ ông **D**, bà **H** đều về hương khói, cúng lễ theo phong tục. Bà **H** có nguyện vọng xác

định ông Lưu Đức D là cha đẻ nên các ông, bà đề nghị Tòa án công nhận ông Lưu Đức D là cha đẻ của bà Hoàng Thị H.

- Tại Đơn trình bày sự việc và lời khai trong quá trình giải quyết, ông Phan Văn Q và bà Phan Thị H2 trình bày: Chị ruột của ông, bà là bà Phan Thị Đ (sinh năm 1949) đã chung sống với ông Lưu Đức D (sinh năm 1941) từ năm 1982 đến năm 1984 tại xã B, huyện B và đã sinh được một người con gái là Hoàng Thị H, sinh ngày 19/02/1984. Ông, bà không biết lý do vì sao bà Đ và ông D không chung sống cùng nhau nữa nên bà Đ đã lấy họ của chồng trước là họ H3 để khai sinh con Hoàng Thị H. Từ năm 2005 đến năm 2019, ông D thường xuyên đến thăm nom và chăm sóc bà H, bà H cũng thường xuyên qua lại và quan tâm đến ông D. Năm 2019, ông D chết bà H đến chịu tang, sau này đến ngày giỗ ông D thì bà H cũng về thắp hương, cúng lễ. Ông, bà đề nghị Tòa án công nhận ông Lưu Đức D là cha đẻ của bà Hoàng Thị H.

- Tại Đơn trình bày sự việc và lời khai trong quá trình giải quyết, bà Hoàng Thị Y, bà Nguyễn Thị D2, ông Trần Đình M, bà Nguyễn Thị Q1 và ông Trần Minh K1 đều thống nhất trình bày: Các ông, bà là hàng xóm sống cùng ông Lưu Đức D (sinh năm 1941) hơn 30 năm, có biết bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984 là con ruột của ông D nên bà H thường xuyên đến nhà ông D khi nhà ông D có việc, bà H thường xuyên đến phụ giúp ông D làm ruộng... Các ông bà tìm hiểu thì được ông D kể lại bà Hoàng Thị H là con riêng của ông D với vợ trước. Năm 2019, ông D chết các ông, bà thấy bà H đến chịu tang và sau này đến ngày giỗ, chạp bà H đều về cúng giỗ cho ông Lưu Đức D.

- Tại biên bản họp gia đình ngày 15/9/2024, bà Lưu Thị T là em ruột của ông Lưu Đức D - chủ trì cuộc họp thể hiện: Về quản lý tài sản: Ông Lưu Đức D và vợ kế ông D đã chết nên giao cho bà Hoàng Thị H là con gái có trách nhiệm bảo quản tài sản, chăm sóc cây cối, dọn dẹp nhà cửa, hương khói cho cha mẹ. Như vậy, có nghĩa gia đình, họ tộc thừa nhận bà Hoàng Thị H là con đẻ của ông Lưu Đức D và bà Phan Thị Đ.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân huyện B, tỉnh Quảng Bình: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch đề nghị áp dụng khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361; khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H và tuyên bố ông Lưu Đức D, sinh năm 1941 là cha đẻ của bà Hoàng Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Hoàng Thị H** có nơi cư trú tại **Thôn G, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình** có đơn yêu cầu Tòa án xác định cha cho con khi người cha đã chết. Vì vậy, yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Lưu Thị T** và bà **Phan Thị Đ** có đơn xin vắng mặt và những người làm chứng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Theo lời khai nhận của bà **Hoàng Thị H** và ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều thống nhất trình bày: Từ năm 1982 đến năm 1984, bà **Phan Thị Đ** là mẹ của bà **Hoàng Thị H** có tình cảm và sống chung với ông **Lưu Đức D** sinh được một người con gái đặt tên là **Hoàng Thị H**. Vì điều kiện và hoàn cảnh gia đình của hai bên lúc đó không đồng ý cho ông **D** và bà **Đ** kết hôn. Khi sinh bà **H** thì bà **Đ** làm thủ tục giấy khai sinh đã khai phần “họ tên cha” là ông **Hoàng Văn Đ1** (người chồng trước của bà **Đ**). Sau khi ông **D** và bà **Đ** không chung sống với nhau nhưng ông **D** vẫn thường xuyên qua lại chăm sóc bà **H** cho đến năm 2002 ông **D** thông báo cho gia đình, anh em họ tộc biết bà **Hoàng Thị H** là con riêng của ông **D**. Năm 2019, khi ông **D** chết thì bà **H** về chịu tang ông **D** với tư cách là con gái ruột và cũng được anh em gia đình, họ tộc thừa nhận. Để tìm về đúng cội nguồn, dòng họ nên bà **H** có nguyện vọng yêu cầu Tòa án xác định ông **Lưu Đức D** là cha đẻ của bà **Hoàng Thị H**.

Quá trình giải quyết việc dân sự, em gái của ông **D** là bà **Lưu Thị T** và các anh chị em, cháu của ông **D**, bà **Đ** đều xác nhận, bà **Hoàng Thị H** là con đẻ của ông **Lưu Đức D**. Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều có văn bản và ý kiến đề nghị Tòa án công nhận mối quan hệ huyết thống giữa ông **D** và bà **H**. Mặt khác, tại biên bản họp gia đình ngày 15/9/2024, với sự có mặt của tất cả những người có mối quan hệ ruột thịt của ông **Lưu Đức D** đều công nhận và thể hiện bà **Hoàng Thị H** là con gái của ông **Lưu Đức D**.

Xét thấy, yêu cầu xác định cha cho con của bà **Hoàng Thị H** khi người cha đã chết cần có kết quả giám định AND để làm căn cứ giải quyết yêu cầu trên cơ

sở khoa học là cần thiết. Tuy nhiên, dựa trên các nguồn chứng đã được thu thập có trong hồ sơ việc dân sự, biên bản xác nhận của gia đình, dòng tộc, lời khai nhận của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều thừa nhận bà **Hoàng Thị H** là con đẻ của ông **Lưu Đức D** là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với sự thật khách quan, không bị lừa dối, ép buộc và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được thừa nhận và không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu của bà **Hoàng Thị H** là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà **Hoàng Thị H** phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Hoàng Thị H về việc “Yêu cầu xác định cha cho con”**

Công nhận ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 (chết năm 2019); nơi cư trú cuối cùng trước khi chết: **thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình** là cha đẻ của bà **Hoàng Thị H**, sinh ngày 19/02/1984; nơi cư trú: **Thôn G, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Hoàng Thị H** phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí bà **H** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002774, ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Bà **Hoàng Thị H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND Quảng Bình;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch.
- Người yêu cầu; NCQLNVLQ;
- UBND xã Liên Trạch và xã Hạ Mỹ;
- Lưu HS, Lưu TA.